

Số: 53 /QĐ-PGDĐT-KHTC

Tam Nông, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách Nhà nước
Quý I năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HUYỆN TAM NÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1842/QĐ-UBND-HC ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân huyện Tam Nông, về việc giao dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2023 cho các ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội và các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện;

Xét đề nghị của tổ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý I năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Nông, chi tiết theo Biểu 3, Biểu 4 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ Kế hoạch-Tài chính, Chuyên môn nghiệp vụ, Tổ chức - Hành chính Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Phòng TCKH huyện;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT PGD;
- Lưu: VT, TC.

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Phước Hậu

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Nông

Chương: 622

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính : đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện quý III năm 2022	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.379.500.000	444.309.406	10,15	
1	Chi quản lý hành chính	1.339.500.000	302.617.398	22,59	
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.316.500.000	297.617.398	22,61	
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	23.000.000	5.000.000	21,74	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.040.000.000	141.692.008	4,66	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.040.000.000	141.692.008	4,66	

Tam Nông, ngày 10 tháng 4 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Nông

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Quý I năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 53/QĐ-PGDĐT-KHTC ngày 10/4/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5 = 4-3
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
2	Phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	
1	Lệ phí	0	0	
2	Phí			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	444.309.406	444.309.406	
I	Nguồn ngân sách trong nước	444.309.406	444.309.406	
1	Chi quản lý hành chính	302.617.398	302.617.398	
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	297.617.398	297.617.398	
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.000.000	5.000.000	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	141.692.008	141.692.008	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	141.692.008	141.692.008	